



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sơn Đồng Nai

Ngày 30/09/2025	28,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.6%	24.2%	5.4%

DT thuần Q3/25
27.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.60 -2.2%
YoY: ▼0.50 -1.9%

LN thuần Q3/25
2.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.64 -24.1%
YoY: ▲ 0.44 28.4%

LN sau thuế Q3/25
1.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.97 -35.9%
YoY: ▼0.28 -14.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
9.3%
YoY: +/- ▼ 4.2%

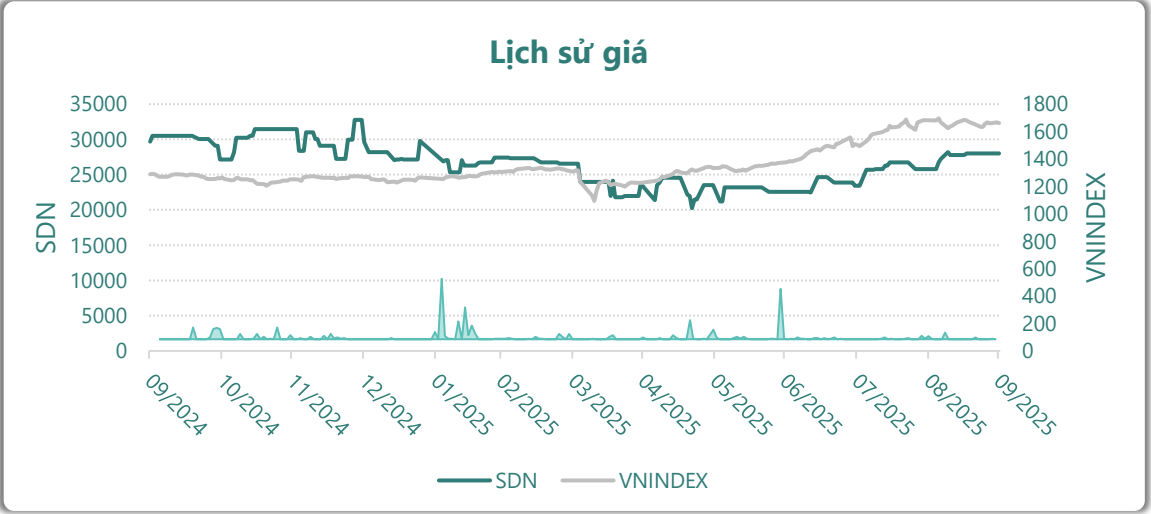
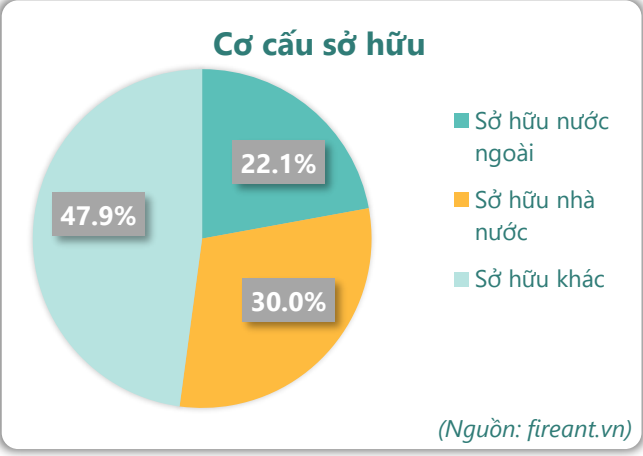
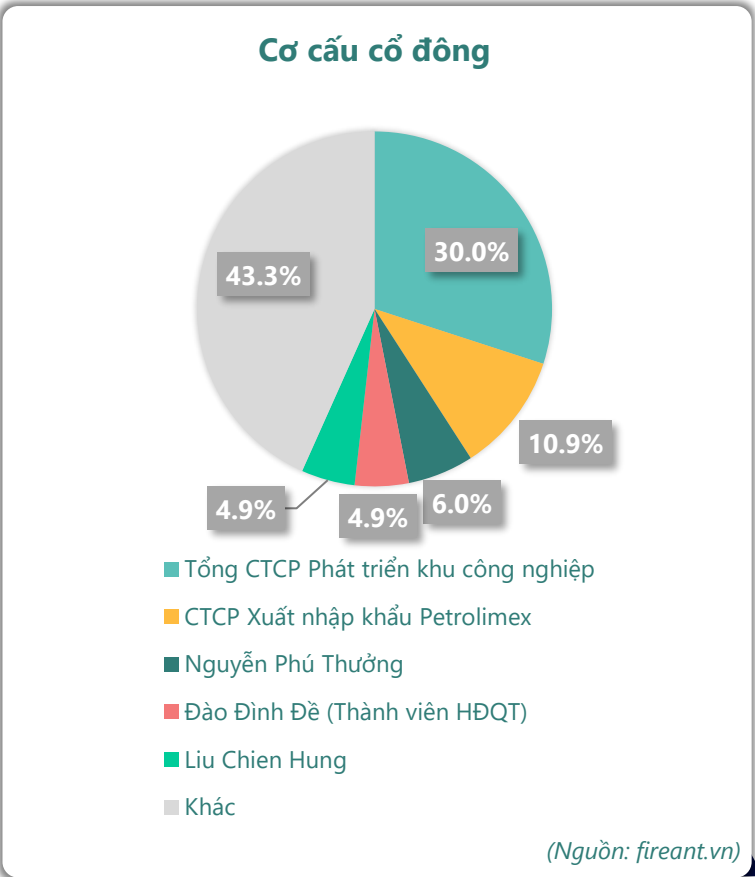
ROE (TTM) Q3/25
14.7%
YoY: +/- ▼ 0.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	20,253 - 32,770
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	85
Số lượng CPLH (CP)	3,036,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)	380
Sở hữu nước ngoài	22.1%
Beta	0.22
EPS	3,238
P/E	8.6

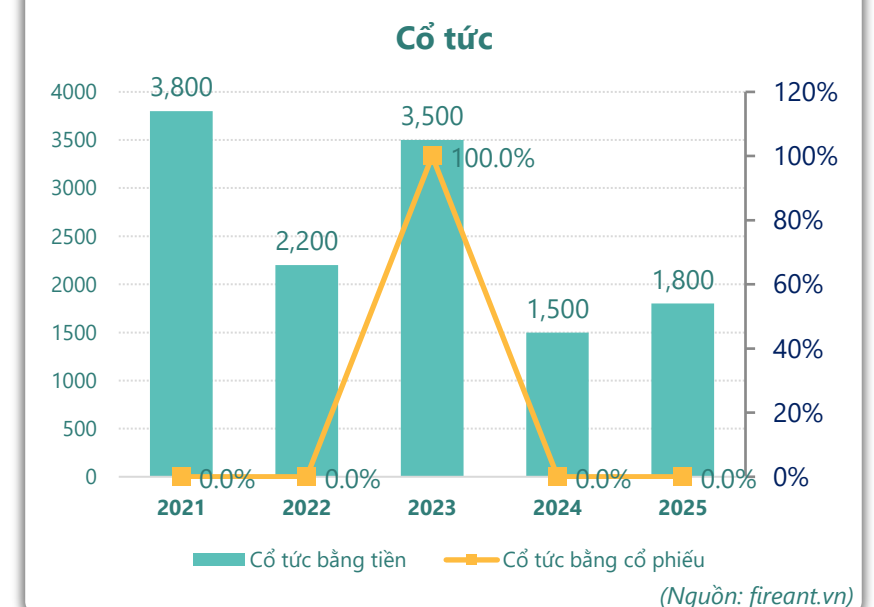
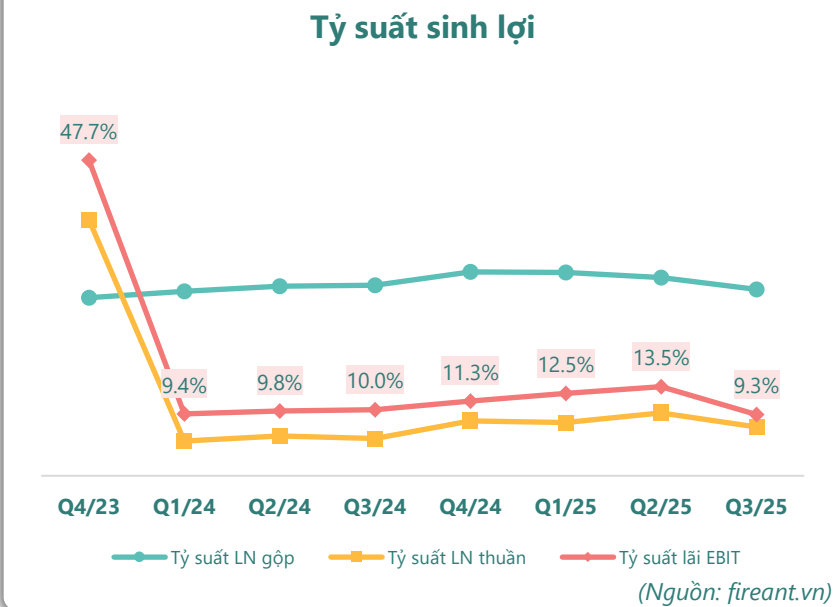
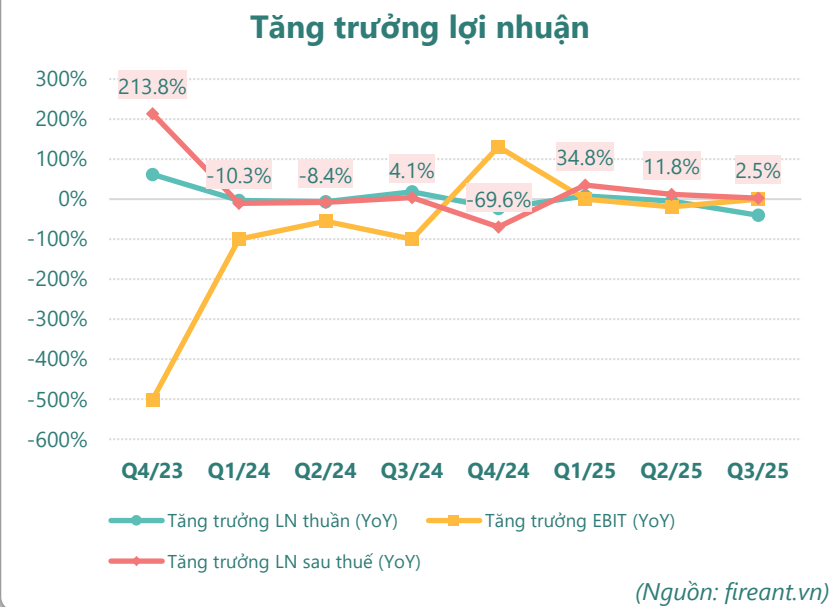
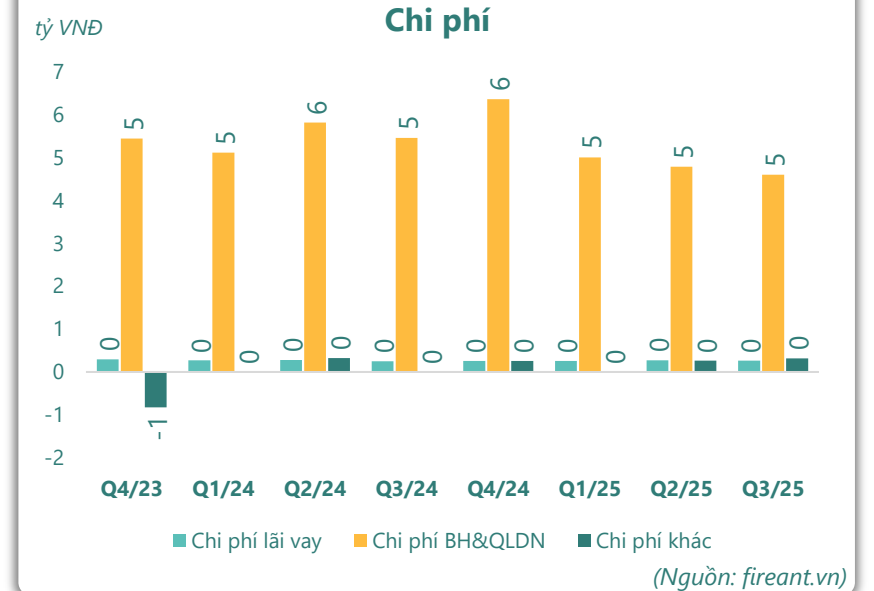
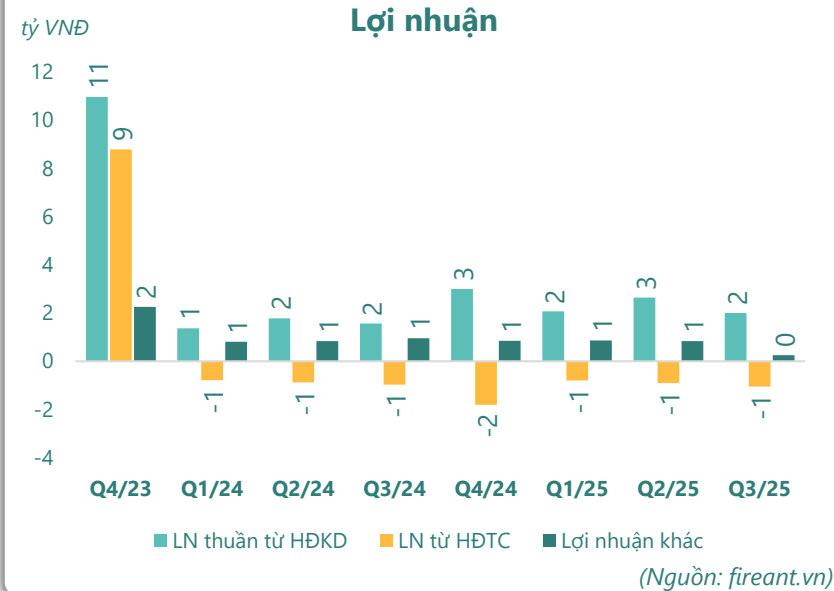
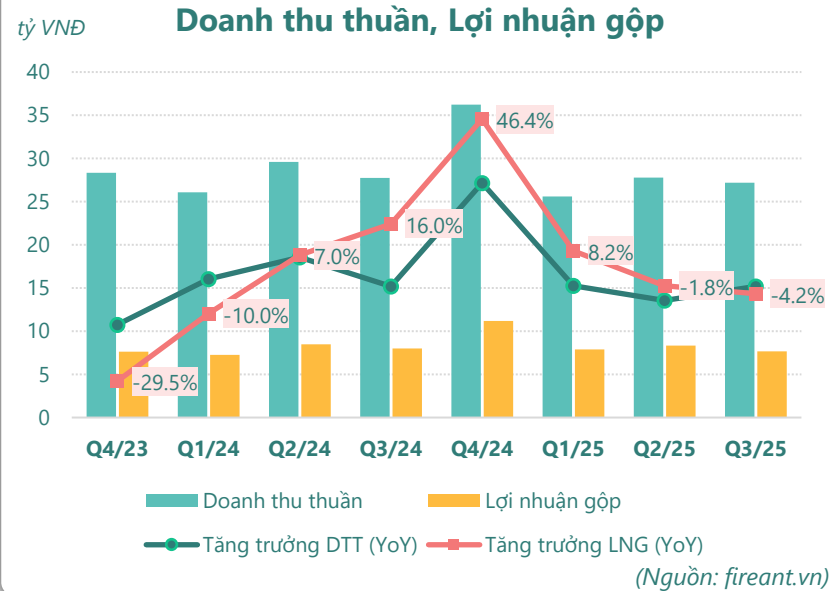
DT thuần 9T 2025
80.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.90 -3.5%

LN thuần 9T 2025
6.70
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.98 42.1%

LN sau thuế 9T 2025
6.80
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.99 16.9%



KẾT QUẢ KINH DOANH

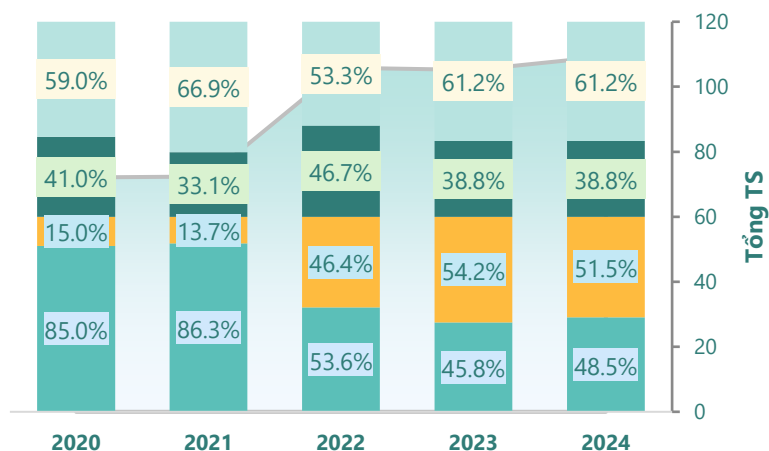




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

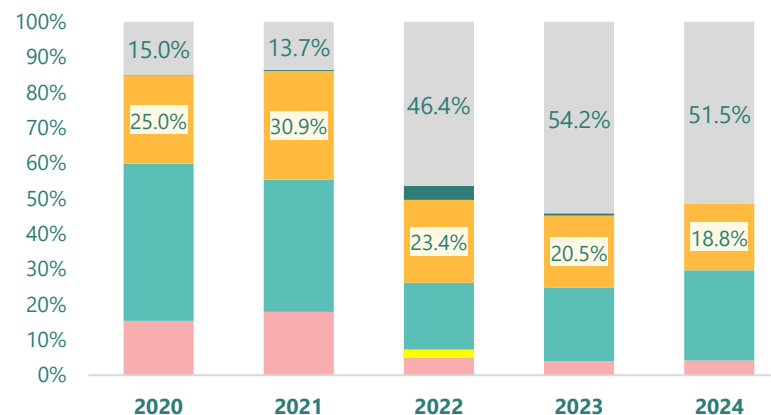
tỷ VNĐ



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

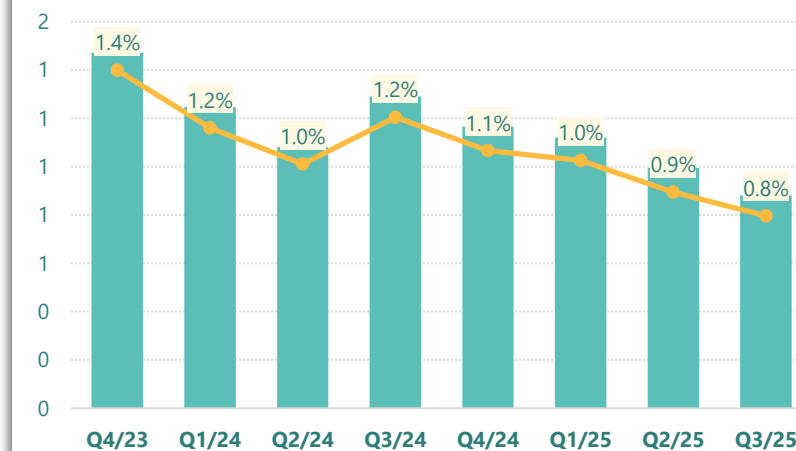


Tiền và ĐD tiền Đầu tư TC ngắn hạn Hàng tồn kho Phải thu ngắn hạn TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

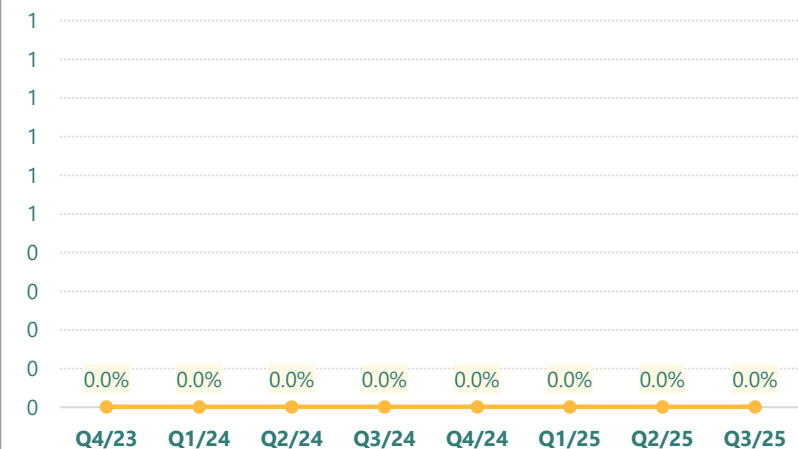


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

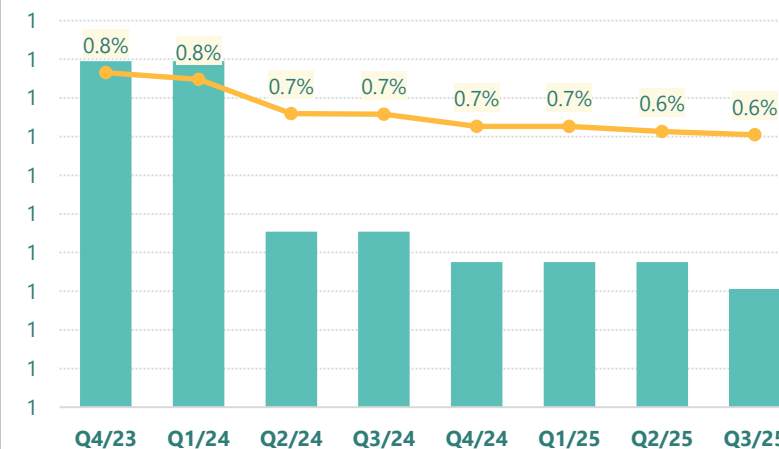


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

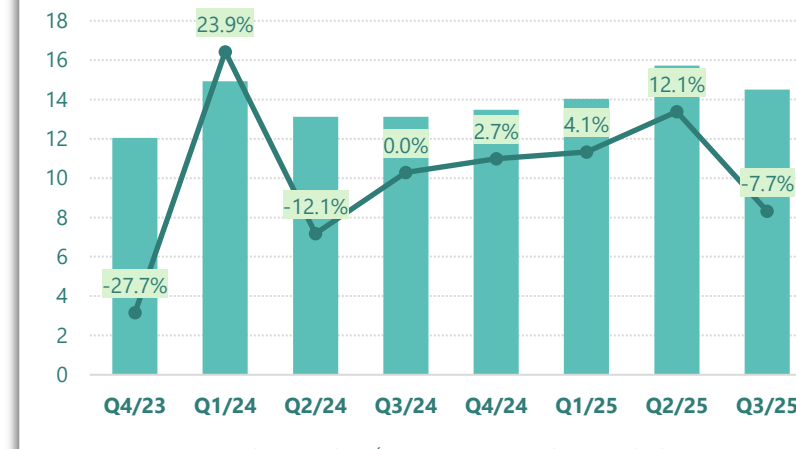


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



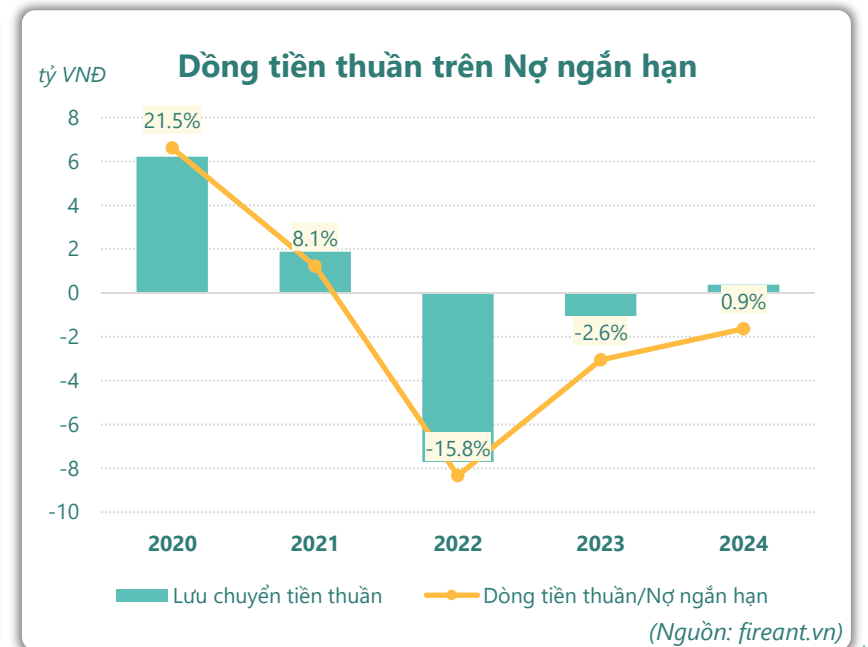
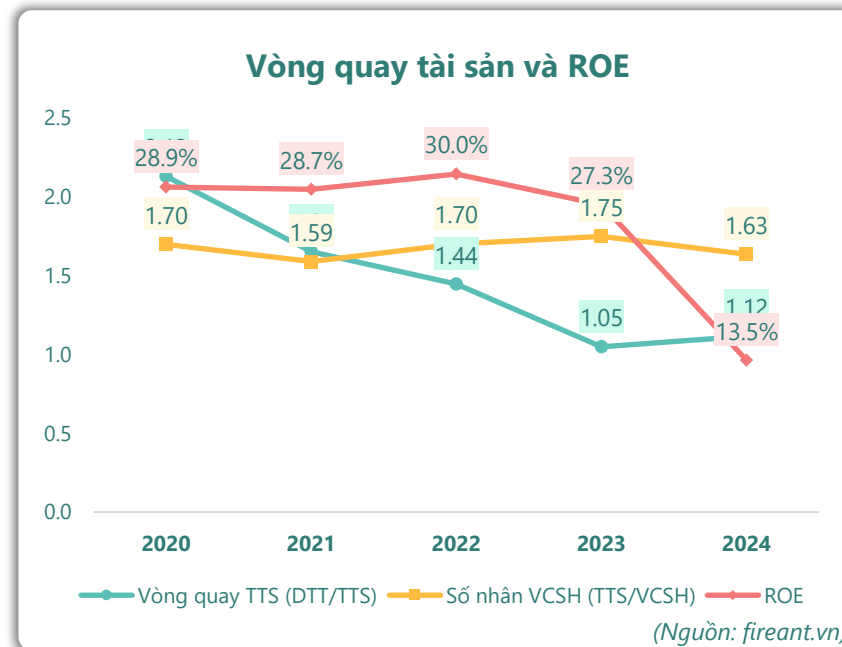
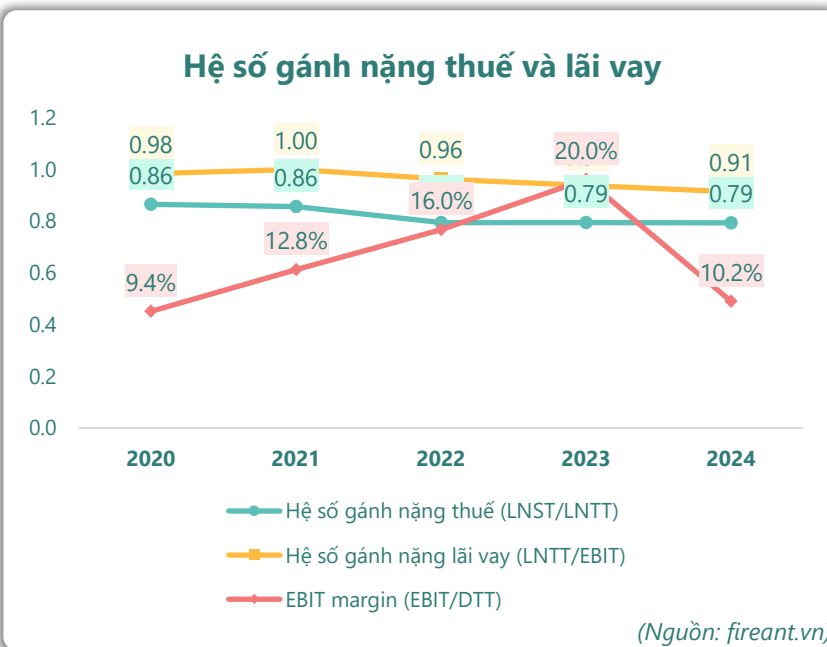
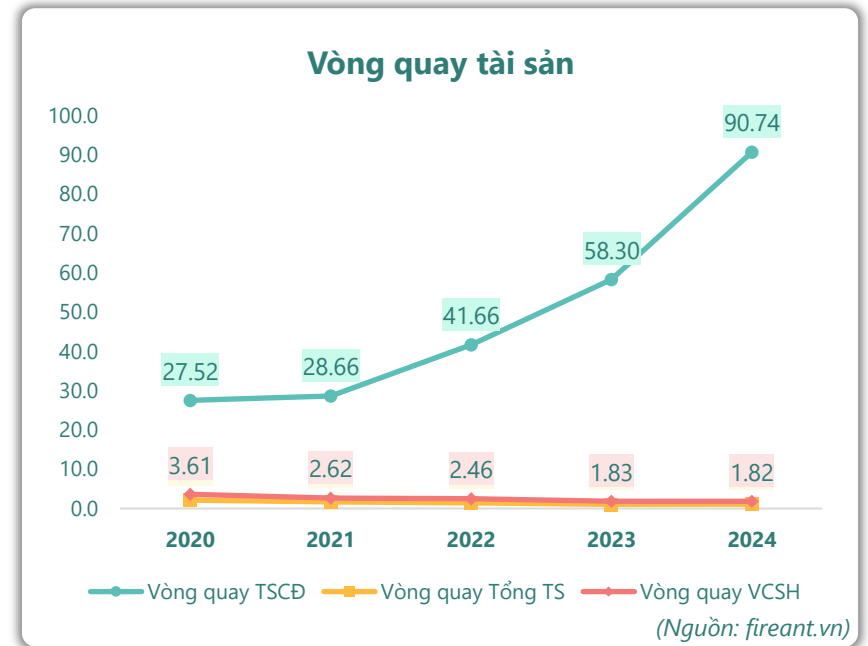
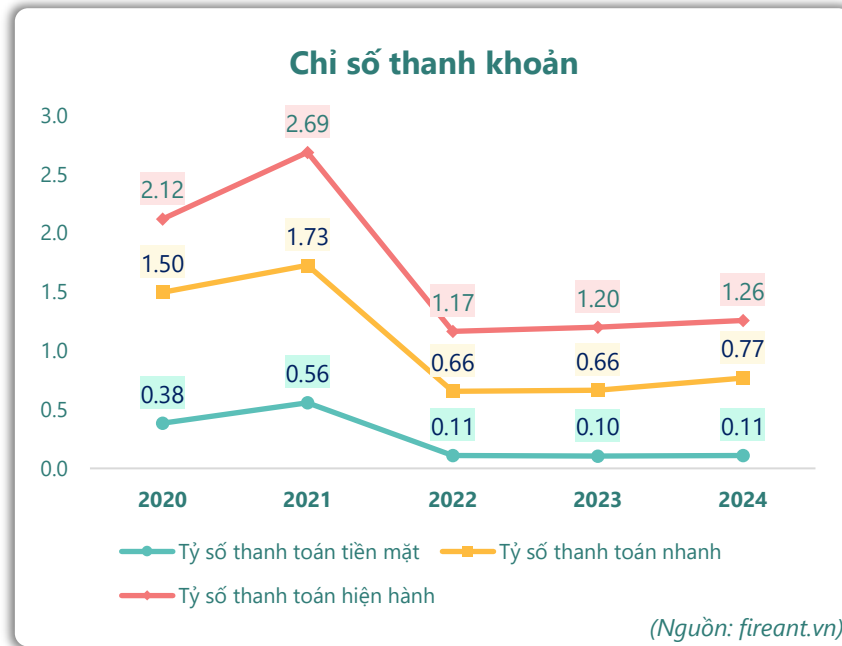
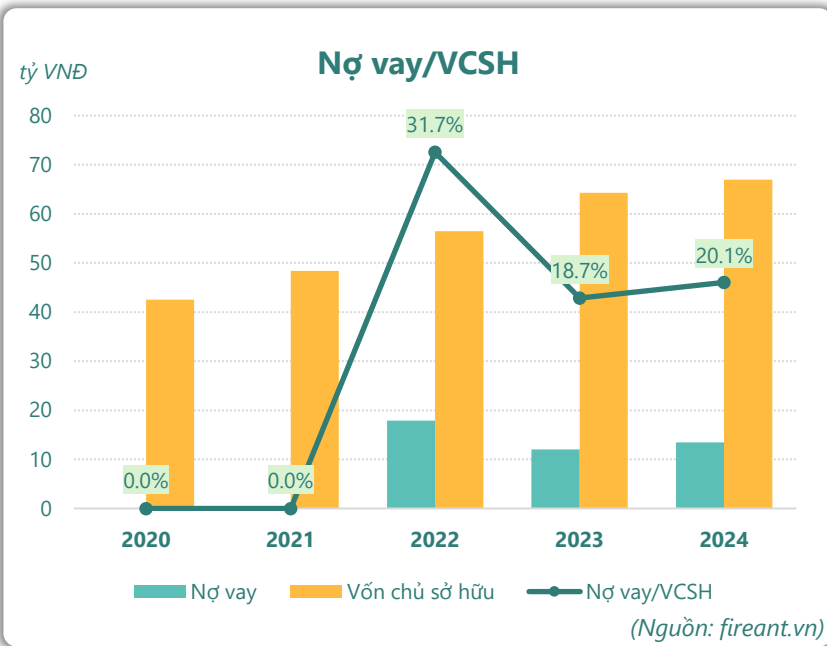
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	27.2	27.7	-1.9%	80.5	83.4	-3.5%
Giá vốn hàng bán	19.5	19.8	-1.4%	56.7	59.7	-5.0%
Lợi nhuận gộp	7.66	7.99	-4.1%	23.9	23.8	0.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	-0.07	103%	0.01	0.03	-82.4%
Chi phí TC	1.06	0.90	17.2%	2.76	2.67	3.4%
Chi phí lãi vay	0.26	0.25	4.4%	0.79	0.80	-0.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.35	2.03	-33.3%	4.50	4.94	-9.0%
Chi phí QLDN	3.25	3.43	-5.3%	9.90	11.5	-13.6%
LN thuần từ HĐKD	2.00	1.56	28.4%	6.70	4.72	42.1%
Lợi nhuận khác	0.25	0.96	-73.8%	1.95	2.59	-24.8%
LN trước thuế	2.25	2.52	-10.6%	8.65	7.31	18.4%
Lợi nhuận sau thuế	1.74	2.02	-14.0%	6.80	5.81	16.9%
LNST của CĐ cty mẹ	1.74	2.02	-14.0%	6.80	5.81	16.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.02	3.48	-0.98	0.36	-2.09	4.53
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.23	-0.18	0.03	-0.08	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.80	-3.04	0.35	-0.97	1.69	-5.15
Tiền đầu kỳ	2.95	4.93	5.19	4.59	3.90	3.50
Lưu chuyển tiền thuần	1.98	0.27	-0.60	-0.69	-0.40	-0.62
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.93	5.19	4.59	3.90	3.50	2.88

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	111	109	1.1%
Tài sản ngắn hạn	55.6	53.1	4.8%
Tiền và tương đương tiền	2.88	4.59	-37.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	28.1	27.9	0.7%
Hàng tồn kho	24.7	20.6	19.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	55.0	56.3	-2.3%
Phải thu dài hạn	0.36	0	
Tài sản cố định	0.88	1.17	-24.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.70	0.72	-1.9%
Tài sản dài hạn khác	53.0	54.4	-2.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	42.3	42.4	-0.2%
Nợ ngắn hạn	42.1	42.2	-0.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.5	13.5	7.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.7	17.4	-4.1%
Nợ dài hạn	0.23	0.20	15.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	68.3	66.9	2.0%
Vốn chủ sở hữu	68.3	66.9	2.0%
Vốn điều lệ	30.4	30.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

